

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2020/HNGĐ - ST.

Ngày: 12/5/2020.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân.
2. Bà Thạch Thị Lan Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2019/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2019 và thông báo mở phiên tòa số 04/2020/TB – TA ngày 20/4/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H. Sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Thôn 2, xã G, huyện L, tỉnh L. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Anh Dương Văn T, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Thôn 2, xã G, huyện L, tỉnh L. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn và bản tự khai nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị và Anh T xây dựng gia đình với nhau năm 2014, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống. Anh T thường xuyên uống rượu, chửi bới, đánh đập, xúc phạm đến danh dự

nhân phẩm của chị và gia đình chị. Vợ chồng anh chị không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị cũng đã nhiều lần nói chuyện với Anh T để hàn gắn tình cảm nhưng không được. Không khí gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng mệt mỏi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trung.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Dương Nguyên V, sinh ngày 15/3/2015 và cháu Dương Nguyên B, sinh ngày 16/02/2017. Khi ly hôn chị đồng ý giao con chung cho Anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng có nợ vợ chồng ông Trần Văn Linh, bà Vũ Thị Thanh Huyền số tiền là 56.000.000đ. Khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

Tại bản tự khai ngày 27/12/2019 anh Dương Văn T trình bày:

Anh và chị H xây dựng gia đình với nhau năm 2014, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống. Vợ chồng không có tiếng nói chung từ đó vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và xô sát với nhau. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Dương Nguyên V, sinh ngày 15/3/2015 và cháu Dương Nguyên B, sinh ngày 16/02/2017. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định vợ chồng có nợ vợ chồng ông Trần Văn Linh, bà Vũ Thị Thanh Huyền số tiền là 56.000.000đ. Khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng Anh T vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị H, xử cho chị H và Anh T được ly hôn. Về con chung: giao 02 con chung là cháu Dương Nguyên V, sinh ngày 15/3/2015 và cháu Dương Nguyên B, sinh ngày 16/02/2017 cho Anh T có trách nhiệm trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H và Anh T xác định vợ chồng không có nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh chị xác định có nợ vợ chồng ông Trần Văn Linh, bà Vũ Thị Thanh Huyền số tiền là 56.000.000đ. Khi ly hôn anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để vợ chồng anh chị tự thỏa thuận giải quyết với nhau. Đồng thời vợ chồng ông Linh, bà Huyền có đơn không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn anh Dương Văn T vắng mặt tại phiên Tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Anh T theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị H, Anh T xây dựng gia đình với nhau năm 2014, trên cơ sở tình nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 16/4/2014 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, không còn khả năng cải thiện nên chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Trung. Chị H cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống. Anh T thường xuyên uống rượu, chửi bới, đánh đập, xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của chị và gia đình chị. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng không còn sự quan tâm

chăm sóc lẫn nhau. Chị cũng đã nhiều lần nói chuyện với Anh Tể hàn gắn tình cảm nhưng không được. Không khí gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng mệt mỏi. Anh T xác định nguyên nhân vợ chồng anh chị mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống. Vợ chồng không có tiếng nói chung từ đó vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và xô sát với nhau. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

Xét thấy, chị H và Anh T đã sống ly thân hơn từ tháng 7/2019 cho đến nay nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được do mâu thuẫn đã kéo dài. Anh T cũng xác định do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống nên vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và xô sát với nhau. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì thấy rằng trong thời gian chung sống tại địa phương thì vợ chồng anh chị sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H thường xuyên đi chơi về khuya, không chịu khó làm ăn. Nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân của anh chị cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, xử cho chị H và Anh T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H, Anh T xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Dương Nguyên V, sinh ngày 15/3/2015 và cháu Dương Nguyên B, sinh ngày 16/02/2017. Khi ly hôn chị H đồng ý giao hai con chung cho Anh T chăm sóc nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T cũng yêu cầu được nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện, thỏa thuận của Anh T và chị H về chăm sóc con chung. Bên cạnh đó sau khi vợ chồng anh Trung, chị H sống ly hôn thì hiện nay 02 con chung đều ở với anh Trung, các cháu đều phát triển bình thường, mặt khác Anh T có nhà cửa ổn định. Chị H đang phải ở nhà trọ, thu nhập thấp. Do đó, để ổn định về tâm sinh lý của trẻ cần căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Dương Nguyên V, sinh ngày 15/3/2015 và cháu Dương Nguyên B, sinh ngày 16/02/2017 cho Anh T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con do Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Chị H và Anh Txác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị H và Anh Txác định vợ chồng có nợ vợ chồng ông Trần Văn Linh, bà Vũ Thị Thanh Huyền số tiền là 56.000.000đ. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời vợ chồng ông Trần Văn Linh, bà Vũ Thị Thanh Huyền có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ này trong vụ án ly hôn giữa chị H với Anh Tmà để vợ chồng ông bà tự thỏa thuận giải quyết với vợ chồng anh Trung, chị H, nếu sau này các bên phát sinh tranh chấp thì vợ chồng ông bà sẽ khởi kiện bằng một vụ án kiện khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Buộc Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của Chị Nguyễn Thị Thu H, xử cho Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Dương Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Dương Nguyên V, sinh ngày 15/3/2015 và cháu Dương Nguyên B, sinh ngày 16/02/2017 cho anh Dương Văn T có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Chị H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007062 ngày 06 tháng

12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh L(02);
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- **Cơ quan đăng ký kết hôn;**
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Hữu Dũng